

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9 – CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2026/HNGĐ-ST.

Ngày: 05/3/2026.

V/v Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Công Minh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thành Tâm.

Ông Nguyễn Văn Giáp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Tấn Thành - Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 9 – Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Lê Hồng Như - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05/3/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số 238/2025/TLST-HNGĐ, ngày 29 tháng 10 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/01/2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Lê T; Sinh ngày 01/01/1990; CCCD số: 094190008747; Địa chỉ: Ấp S, xã C, thành phố Cần Thơ (có mặt).

- Bị đơn: Ông Huỳnh Văn C; Sinh ngày 01/01/1990; CCCD số: 094090014309; Địa chỉ: Ấp S, xã C, thành phố Cần Thơ (vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện do bà Nguyễn Lê T lập ngày 27/10/2025 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa thì nguyên đơn bà Nguyễn Lê T trình bày như sau: Bà Nguyễn Lê T và ông Huỳnh Văn C kết hôn với nhau vào năm 2013, vợ chồng bà có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (Nay là Ủy ban nhân dân xã C, thành phố Cần Thơ) và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 61/2013 ngày 17/6/2013. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được đến năm 2025, thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi cho nên vợ chồng bà đã ly thân từ tháng 01 năm 2025 đến nay.

Trong thời gian hôn nhân bà và ông C có hai người con chung tên Huỳnh Hoàng D, sinh ngày 04/8/2014 và Huỳnh Thiên Â, sinh ngày 15/5/2021, hiện nay cháu D và Â đang sống với bà. Về tài sản chung, nợ chung không có.

Nay bà Nguyễn Lệ T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Lệ T yêu cầu được ly hôn với ông Huỳnh Văn C.

- Về con chung: Bà Nguyễn Lệ T yêu cầu được nuôi hai người con chung là Huỳnh Hoàng D, sinh ngày 04/8/2014 và Huỳnh Thiên Â, sinh ngày 15/5/2021 đến khi thành niên, bà không yêu cầu ông C phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Lệ T xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đối với bị đơn ông Huỳnh Văn C, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Huỳnh Văn C nhưng ông Huỳnh Văn C không có văn bản gửi cho Tòa án để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Lệ T và không đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải cũng như tham gia phiên tòa theo triệu tập.

* Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Cần Thơ xác định: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện lập ngày 27/10/2025, bà Nguyễn Lệ T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Huỳnh Văn C có nơi cư trú ấp S, xã C, thành phố Cần Thơ. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định việc Tòa án nhân dân khu vực 9 – Cần Thơ thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án.

[3] Về xét xử vắng mặt đương sự: Tại phiên tòa, bị đơn Huỳnh Văn C vắng mặt lần thứ hai không có lý do khi đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ vào khoản 3 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 235 của Bộ

luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Lệ T:

[4.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Lệ T và ông Huỳnh Văn C tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (Nay là Ủy ban nhân dân xã C, thành phố Cần Thơ) và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 61/2013 ngày 17/6/2013 nên quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Lệ T và ông Huỳnh Văn C là hợp pháp. Nhưng sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng ý kiến thường hay cãi nhau và mâu thuẫn kéo dài đến năm 2025 thì vợ chồng sống ly thân đến nay. Trong thời gian ly thân, vợ chồng cũng không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng và bà Nguyễn Lệ T làm đơn khởi kiện để xin ly hôn tại Tòa án. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổ chức hòa giải để động viên vợ chồng bà T, ông C đoàn tụ với nhau, tuy nhiên phía ông Huỳnh Văn C vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Như vậy, tình trạng hôn nhân của vợ chồng bà Nguyễn Lệ T, ông Huỳnh Văn C đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, việc bà Nguyễn Lệ T xin ly hôn là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.2] Về con chung: Trong thời gian sống chung bà Nguyễn Lệ T và ông Huỳnh Văn C có hai người con chung là Huỳnh Hoàng D, sinh ngày 04/8/2014 và Huỳnh Thiên Â, sinh ngày 15/5/2021, bà Nguyễn Lệ T yêu cầu được nuôi hai người con chung cho đến thành niên. Xét thấy, từ ngày bà T và ông C ly thân cho đến nay, người trực tiếp lo cho cháu D và cháu Â là bà Nguyễn Lệ T, bà T vẫn đảm bảo cuộc sống của các cháu và qua yêu cầu khởi kiện của bà T, ông C cũng không có ý kiến về việc nuôi con chung và để tránh cuộc sống của các cháu D và Â xáo trộn khi cha mẹ ly hôn nên cần ổn định cuộc sống hiện tại cho các cháu. Do đó việc bà T yêu cầu được nuôi các cháu D và Â đến khi thành niên là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 về điều kiện trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên của bà T và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu D. Vì vậy, Hội đồng xét xử giao các cháu Huỳnh Hoàng D, sinh ngày 04/8/2014 và Huỳnh Thiên Â, sinh ngày 15/5/2021 cho bà Nguyễn Lệ T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên.

[5] Về cấp dưỡng: Bà Nguyễn Lệ T xác định đủ điều kiện để nuôi dưỡng các con chung nên không yêu cầu ông Huỳnh Văn C cấp dưỡng nuôi con chung nên Tòa án không đặt ra xem xét.

[6] Tài sản chung: Bà Nguyễn Lệ T và ông Huỳnh Văn C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[7] Về nợ chung: Bà Nguyễn Lệ T xác định không có và các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[8] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Nguyễn Lệ T chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án ly hôn là 300.000 đồng. Ông Huỳnh Văn C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[9] Về quyền kháng cáo bản án: Căn cứ vào Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo 15 (Mười lăm) ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án cho đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

*** Căn cứ:** Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

*** Tuyên xử:**

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Lệ T được ly hôn với ông Huỳnh Văn C.
- Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Lệ T trực tiếp nuôi dưỡng con chung của bà Nguyễn Lệ T và ông Huỳnh Văn C là cháu Huỳnh Hoàng D, sinh ngày 04/8/2014 và cháu Huỳnh Thiên Â, sinh ngày 15/5/2021 đến khi thành niên (hiện nay cháu D và Â đang sống chung với bà Nguyễn Lệ T).

Ông Huỳnh Văn C có quyền, nghĩa vụ thăm nom các cháu D và cháu Â mà không ai được cản trở. Ông Huỳnh Văn C không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu D và cháu Â của bà Nguyễn Lệ T.

- Về cấp dưỡng: Bà Nguyễn Lệ T không có yêu cầu ông Huỳnh Văn C cấp dưỡng, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung nên không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về nợ chung, nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bà Nguyễn Lệ T chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007471, ngày 27/10/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ, bà Nguyễn Lệ T đã thực hiện xong.

+ Ông Huỳnh Văn C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo bản án: Căn cứ vào Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo 15 (Mười lăm) ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án cho đương sự.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Cần Thơ (P. Giám đốc, Kiểm tra, Thanh tra và THA);
- VKSND khu vực 9 – Cần Thơ;
- UBND xã Cù Lao Dung, Tp. Cần Thơ;
- Thi hành án Thành phố Cần Thơ;
- Các bên đương sự;
- Lưu (HSVA & TA).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lý Công Minh